

Số: 51/BC-THHL

Mường Tùng, ngày 09 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Về công khai giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học: 2025-2026

Thực hiện thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường PTDTBT TH Huổi Lèng báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2023-2024, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

2. Bản Huổi Toóng 1, xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên.

- Số điện thoại: 0942 886 960.

- Địa chỉ thư điện tử: ptdtbtthhuoileng.muongcha@dienbien.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: <https://thhuoileng.muongcha.edu.vn>.

3. Trường công lập do Ủy ban nhân dân xã Mường Tùng quản lý.

4. Tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị của nhà trường:

4.1. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng hướng đến mục tiêu xây dựng trường học thân thiện với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới, phát triển nhà trường theo hướng ***“Trường học Hội nhập – Ngôi trường thân thiện chấp cánh ước mơ tuổi thơ”*** để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục và hội nhập được phụ huynh, học sinh tin cậy. Là nơi đào tạo học sinh thành những con người năng động, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

4.2. Sứ mệnh:

Xây dựng nhà trường chuẩn mực, có chất lượng giáo dục cao và toàn diện. Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo, có khả năng thích ứng mạnh mẽ và trở thành công dân tốt.

4.3. Giá trị cốt lõi:

- **Tinh thần đoàn kết:** Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung.

- **Tinh thần trách nhiệm:** Nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ra sức thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy và học.

- **Tính trung thực:** Đề cao giá trị lòng tự trọng, tính trung thực và ý thức cộng đồng của học sinh, trên nền tảng phẩm chất, tư cách, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

- **Sự hợp tác:** Đề cao quan hệ mật thiết giữa nhà trường và phụ huynh trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh. Đề cao tinh thần hợp tác với các trường bạn trong huyện.

- **Lòng nhân ái:** Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ và giàu lòng nhân ái.

- **Chủ động:** Nêu cao tinh thần tự giác, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- **Sáng tạo:** Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

4.4. Mục tiêu

4.4.1. Mục tiêu dài hạn

Triển khai tốt Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích tích”.

Chỉ đạo giáo viên tập trung đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học, hướng dẫn học sinh cách học, cách tìm ra kiến thức mới; đổi mới cách đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và toàn diện, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào học tập. Phấn đấu đến năm 2025 đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

4.4.1.1. Phát triển trường chất lượng cao: Nhà trường xác định mục tiêu đạt chuẩn/duy trì đạt chuẩn/nâng mức độ đạt chuẩn Quốc gia.

- Duy trì phổ cập GDĐĐT mức độ III.
- Duy trì tiêu chuẩn “Trường học thân thiện-học sinh tích cực”.
- Xây dựng thành công trường TH đạt chuẩn quốc gia mức độ I.
- + Chất lượng giáo dục được khẳng định.
- + Thương hiệu nhà trường được nâng cao.
- Đẩy mạnh công tác Phổ cập giáo dục trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục; trước mắt chống học sinh bỏ học, tập trung phụ đạo học sinh yếu kém. Phần đầu đạt được trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Ứng dụng CNTT trong dạy – học và công tác quản lý.
- Áp dụng các tiêu chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

4.4.1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên.

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 90%.
- Giáo viên sử dụng thành thạo máy tính, đạt trên 80%.
- Số tiết dạy sử dụng công nghệ thông tin trên 30%.
- Có 100% CB-GV-NV trên chuẩn.

4.4.1.3. Chất lượng học sinh.

- Quy mô:
 - + Lớp học: 20 - 21 lớp.
 - + Học sinh: 414 – 457 học sinh.
- Chất lượng học tập:
 - + Trên 60% học sinh được đánh giá HTT và HT (25-30% HTT).
 - + Tỷ lệ học sinh CHT < 1% .
 - + Tỷ lệ lên lớp, HTCT đạt 99% trở lên.
 - + Tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu HTXS nhiệm vụ học tập và rèn luyện: 25% trở lên, tỷ lệ học sinh được đánh giá HT vượt trội các môn học 45% trở lên.
 - + Thi giao lưu Toán – Tiếng Việt cấp huyện trở lên : 15 giải trở lên.
- Chất lượng năng lực, phẩm chất, kỹ năng sống.
 - + Các năng lực, phẩm chất được đánh giá ở mức Đ (100%).
 - + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hoá, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

* Phần đầu đến năm 2025, học sinh lớp 3, 4, 5 được học Tiếng Anh theo chương trình phổ thông 2018; các lớp 1, 2 được làm quen chương trình Tiếng Anh nhưng là tiền đề của chương trình Tiếng Anh phổ thông 2018.

4.4.1.4. Thư viện và thiết bị dạy học.

- Thư viện: Phần đầu đạt danh hiệu “Thư viện xuất sắc” năm 2025.
- Thiết bị: Thường xuyên rà soát, bổ sung trang thiết bị đáp ứng nhu cầu tối thiểu về sử dụng thiết bị dạy học theo quy định.

4.4.1.5. Cơ sở vật chất trường lớp học.

- Xây mới 12 phòng học cao tầng, xây mới 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học, 01 phòng đọc học sinh, 01 phòng Tiếng Anh, 01 nhà bán trú; 01 nhà ăn, 05 phòng công vụ.
- Xây mới phòng làm việc, phòng chức năng và các trang bị các thiết bị phục vụ dạy- học.
- Xây dựng vườn hoa, vườn rau bán trú, khuôn viên nhà trường, đảm bảo môi trường sư phạm “ Xanh - Sạch - Đẹp”.

4.4.2. Mục tiêu ngắn hạn

4.4.2.1. Năm học 2024-2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Giữ vững các tiêu chuẩn Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.
- củng cố, duy trì các điều kiện PCGDTHĐĐT mức độ III.
- Tỷ lệ học sinh lên lớp, HTCTTH đạt 99% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 1%, không có học sinh bỏ học.
- Danh hiệu thi đua: HS đạt danh hiệu HS HTXS các nội dung học tập và rèn luyện 25%; HSHT vượt trội các môn học 45%.
- Có 100% học sinh xếp loại Đ về các năng lực, phẩm chất.
- Trình độ đào tạo của cán bộ, GV đạt trình độ chuẩn 94,1%.
- Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh 30-35% trở lên.
- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVTH có 90% xếp loại khá – tốt trở lên.
- Cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định trường chuẩn mức độ I.

4.4.2.2. Năm học 2025-2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- + Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng nền nếp nhà trường, kỷ cương trong dạy học, hạn chế số học sinh bỏ học và học sinh yếu kém, tăng cường các hoạt động phong trào mũi nhọn.
- + Hoàn thiện việc xây dựng CSVC đạt chuẩn quốc gia, xây dựng cảnh quan, chỉnh trang nhà trường.

- + Kiểm định chất lượng duy trì chuẩn.
- + Xây dựng đề án duy trì chuẩn: thư viện đạt chuẩn và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

4.4.2.3. Năm học 2026-2027, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Học sinh tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa cách mạng ở địa phương. Rà soát số liệu sĩ số học sinh, số lớp.
- Kiểm định chất lượng duy trì chuẩn.
- Xây dựng đề án duy trì chuẩn: thư viện đạt chuẩn và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

4.4.2.4. Năm học 2028-2029, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Thanh lọc tinh giản đội ngũ, bổ sung nhân lực hiệu quả cho hoạt động giáo dục của trường và đề hoàn thành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030.
- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá từ năm học 2025-2026, thực hiện công tác tự đánh giá và cập nhật hồ sơ công tác kiểm định chất lượng giáo dục.
- Xây dựng đề án duy trì chuẩn: thư viện đạt chuẩn và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

4.4.2.5. Năm học 2029-2030, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Kiểm tra, đánh giá, tổng kết, công khai kết quả thực hiện giai đoạn 2025-2030 đến Hội đồng giáo dục của trường, cha mẹ học sinh và xã hội, rút kinh nghiệm. Tiếp tục xây dựng chiến lược giai đoạn 2030-2035.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng tiền thân là trường Trung học cơ sở Huổi Lèng được chia tách và thành lập theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc chia tách và thành lập trường học;

- Vị trí địa lý: Trường PTDTBT TH thuộc xã Mường Tùng trung tâm trường đặt tại bản Huổi Toóng 1. Mường Tùng xã vùng cao thuộc vùng 135 đặc biệt khó khăn. Phía bắc giáp phường Mường Lay, tỉnh Lai Châu. Phía nam giáp xã Na Sang. Phía đông giáp với xã Pa Ham. Phía tây giáp với xã Chà Tở. Nhà trường quản lý 07 điểm bản có diện tích 10.810,20 ha, với 667 hộ và 3.703 nhân khẩu gồm 4 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn; trong đó dân tộc Mông chiếm 91,2%; dân tộc Hoa chiếm 6,6%; dân tộc Kinh chiếm 1,7%; dân tộc Thái chiếm 0,3%.

- Địa bàn trường quản lý về giáo dục gồm 7 thôn bản, 4 điểm trường: Huổi Toóng 1, Huổi Toóng 2, Trung Đình, Huổi Lèng, Ma Lù Thàng 1; 2, Ca Dính Nhè, Nậm Chua. Điểm trường xa nhất cách trung tâm xã gần 80 km.

- Tình hình kinh tế xã hội: Kinh tế của nhân dân địa phương còn nghèo, tỷ lệ hộ nghèo chiếm trên 36,07%, kinh tế chậm phát triển, nghề nghiệp chủ yếu là làm ruộng, nương mạt bằng dân trí thấp. Việc làm ăn của người dân vùng cao chưa ổn định. Người dân sinh sống không tập trung nên phần nào ảnh hưởng tới công tác huy động HS cũng như duy trì tỷ lệ HS đi học chuyên cần của nhà trường.

- Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định; các Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được triển khai có hiệu quả. Các chính sách hỗ trợ về phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo được quan tâm; nhân dân các dân tộc đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nhà nước.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Hoàng Thanh Nghị - Chức vụ: Hiệu Trưởng.

- Địa chỉ: Bản Huổi Toóng 1, xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên.

- Số điện thoại: 0942 886 960.

- Địa chỉ thư điện tử: Nghiht.ptdtbtthhuoileng.muongcha@dienbien.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập.

Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc chia tách và thành lập trường học;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 98/QĐ-THHL ngày 05/10/2023 của Trường PTDTBT TH Huổi Lèng về việc thành lập Hội đồng trường trường PTDTBT TH Huổi Lèng nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Chủ tịch hội đồng trường ông Hoàng Thanh Nghị - Bí thư chi bộ; hiệu trưởng.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC HUỔI LÈNG, NHIỆM KỲ 2023-2028

(Kèm theo Quyết định số: 98/QĐ-THHL, ngày 05/10/2023 của hiệu trưởng Trường PTDTBT TH Huổi Lèng)

Stt	Họ và tên	Đại diện tổ chức	Chức vụ HĐT	Ghi chú
-----	-----------	------------------	-------------	---------

1	Hoàng Thanh Nghị	BTCB; Hiệu trưởng	CTHĐ	
2	Hoàng Thanh Toàn	Phó CT CCD	PCTHĐ	
3	Nguyễn Thị Thuận	Phó hiệu trưởng - PTCM	Thư ký HĐ	
4	Mùa Thị Xua	Bí thư chi đoàn trường	Thành viên	
5	Trần Kim Anh	TTCM khối 1	Thành viên	
6	Lò Thị Mai Hương	TTCM khối 2+3	Thành viên	
7	Mào Thị Hải	TTCM khối 4+5	Thành viên	
8	Đào Thị Vân	TTND	Thành viên	
9	Bùi Văn Mạnh	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên	
10	Giàng A Sàng	Phó chủ tịch UBND xã	Thành viên	
11	Lê Thùy Linh	Ban đại diện CMHS	Thành viên	

(Danh sách gồm có: 11 người).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: Hoàng Thanh Nghị theo Quyết định số 3981/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Mường Chà về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thuận theo Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng: Trịnh Thị Thoa theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 53 Luật giáo dục 2019 quy định điều lệ nhà trường được áp dụng chung cho các loại hình nhà trường ở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và có các nội dung chủ yếu sau đây

Thứ nhất: Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Nhà trường là cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

Thứ hai: Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường;

Hoạt động giáo dục là những hoạt động có chủ đích, có kế hoạch, do nhà trường giáo dục định hướng, thiết kế, tổ chức, thông qua những cách thức phù hợp, nhằm thực hiện mục đích giáo dục. Hoạt động giáo dục là nội dung chính yếu được thực hiện trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là tại nhà trường.

Thứ ba: Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo;

Nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục, trừ cơ sở giáo dục quy định, Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, có vị thế quan trọng trong xã hội, được xã hội tôn vinh.

Thứ tư: Nhiệm vụ và quyền của người học;

Người học là người đang học tập tại cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: Trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non; Học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, lớp đào tạo nghề, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường dự bị đại học; Sinh viên của trường cao đẳng, trường đại học; Học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ; Nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sĩ; Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên.

Thứ năm: Tổ chức và quản lý nhà trường;

Xuất phát từ chức năng điều chỉnh các quan hệ của điều lệ nên trong điều lệ của nhà trường cần phải có nội dung tổ chức và quản lý nhà trường theo một thể thức thống nhất, trật tự nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đề ra.

Thứ sáu: Tài chính và tài sản của nhà trường;

Quy định nội dung này trong điều lệ hướng đến mục đích phân bổ, xây dựng và bảo đảm nguồn tài chính, tài sản của nhà trường được an toàn, sử dụng có hiệu quả, phục vụ cho nhu cầu học tập và giảng dạy trong nhà trường được cụ thể, rõ ràng.

Thứ bảy: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm đảm bảo sự đồng thuận trong thực hiện các hoạt động giáo dục; giúp đa dạng và tối đa hóa các nguồn lực xây dựng cơ sở giáo dục theo hướng mở, đảm bảo môi trường giáo dục tốt nhất cho từng học sinh. Phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội đảm bảo tính dân chủ, bình đẳng, hợp tác, công khai và giải trình.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Họ và tên: Hoàng Thanh Nghị - Chức vụ: Hiệu Trưởng.
- Địa chỉ: Bản Huổi Toóng 1, xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên.
- Số điện thoại: 0942 886 960.
- Địa chỉ thư điện tử: Nghiht.ptdtbtthhuoileng.muongcha@dienbien.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên tính đến 01/09/2025.

	TS	Nữ	DT	Đảng viên	Trình độ chuyên môn						Biên chế	Hợp đồng
					Th S	Đ H	CD	T C	SC	CQ ĐT		
1. Ban giám hiệu	3	2	0	3	0	3	0	0	0	0	3	
Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	2	0	2	0	0	0	0	2	
2. GV giảng dạy	29	16	21	17		27	2				29	
- GV văn hóa	22	13	15	17		20	2				22	
- GV ngoại ngữ	2	1	2	0	0	2					2	
- GV Tin	1	0	1	0	0	1					1	
- GV GDTC	1	0	1	1	0	1					1	
- GV Âm nhạc	1	1	1	1	0	1					1	
- GV Mỹ thuật	1	1	1	0	0	1					1	
3. TPT Đội TNTP HCM	1	1	0	0	0	1					1	
Bán chuyên trách	0	0	0	0	0							
4. Nhân viên	4	1	3	1	0	2		2			3	1
Thiết bị	0	0	0	0	0							
Thư viện	0	0	0	0	0	0						
Y tế	1	1	1	0	0	0		1			1	
Kê toán	1	0	1	1	0	0		1			1	
Văn thư	0	0	0	0	0							
Bảo vệ	2	0	2	0	0					2		2

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên,

- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

a) Viên chức quản lý: 03 người

- Hạng II: 02 người, hạng III: 01 người;

- Trình độ đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học.

- Đạt chuẩn nghề nghiệp 3/3 người.

b) Giáo viên tiểu học: 30 người;

- Giáo viên văn hóa 22 người; 01 giáo viên Tin học; 02 giáo viên Tiếng Anh; 02 giáo viên Thể dục; 01 giáo viên Mỹ thuật; 01 giáo viên Âm nhạc.

- Hạng II: 11 người; hạng III: 19 người.

- Đạt chuẩn nghề nghiệp 28/30 giáo viên.

c) Nhân viên (thư viện, thiết bị; công nghệ thông tin): 0 người;

d) Nhân viên (kê toán, văn thư, y tế, thủ quỹ): 02 người; Hạng IV 02 người

- đ) Nhân viên (giáo vụ; hỗ trợ giáo dục người khuyết tật): 0 người;
- e) Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ: 02 người – Chưa qua đào tạo.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Năm học 2024-2025 nhà trường được đầu tư CSVC tương đối khang trang và sách sẽ:

- Phòng học tập: 20 phòng học. trong đó: 15 phòng kiên cố; 5 phòng bán kiên cố; 0 phòng tạm;
- Phòng học bộ môn gồm: 01 Phòng tin học, 01 Tiếng anh, 01 phòng âm nhạc, 01 phòng nghệ thuật
- Phòng hỗ trợ học tập: 01 Phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng Đoàn Đội, 01 phòng công đoàn, truyền thống.
- Phòng quản trị hành chính: 02 Phòng BGH, 01 phòng BV, 01 phòng hội đồng.
- Phòng phụ trợ: 01 phòng y tế tư vấn tâm lý và hỗ trợ học tập cho học sinh.
- Phòng phục vụ sinh hoạt: 10 phòng ở nội trú HS, 06 phòng công vụ GV, 01 phòng QL HS (phòng trực), 01 nhà bếp và kho, 01 nhà ăn, 01 nhà kho (tạm)
- Công trình phụ trợ: 01 nhà VS của GV; 06 nhà VS của HS; 01 công trình cấp nước (khe núi); có cổng trường, tường rào, ...
- Số thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học đảm bảo và đạt 40% số thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.
- Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng bộ sách “ Kết nối tri thức” của nhà xuất bản Giáo dục để thực hiện giảng dạy trong nhà trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thực hiện quy trình kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trường PT DTBT Tiểu học Huổi Lèng được Sở GD&ĐT thẩm định và đề nghị công nhận và cấp Bằng công nhận trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia Mức độ I vào tháng 05/2025 (Tại quyết định số 235/QĐ-SGDĐT ngày 12/05/2025); Sở GD&ĐT quyết định công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 (Tại quyết định số 236/QĐ-SGDĐT ngày 12/05/2025). Công nhận thư viện đạt chuẩn trường phổ thông (Tại quyết định số 344/QĐ-PGDĐT ngày 05/11/2024).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo báo cáo thường niên số 50/BC-THHL ngày 09 tháng 09 năm 2025)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường PTDT bán trú Tiểu học Huổi Lèng

Mã DVQHNS: 1085765

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý III năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí không thường xuyên	12						858.456.000	1.345.184.500	858.456.000	1.345.184.500
Giáo dục tiểu học		72					858.456.000	1.345.184.500	858.456.000	1.345.184.500
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			6150				858.456.000	1.345.184.500	858.456.000	1.345.184.500
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157				326.250.000	326.850.000	326.250.000	326.850.000
Các khoản hỗ trợ khác			6199				532.206.000	1.018.334.500	532.206.000	1.018.334.500
KP thường xuyên	13						2.057.669.417	3.990.835.103	2.057.669.417	3.990.835.103
Giáo dục tiểu học		72					2.057.669.417	3.990.835.103	2.057.669.417	3.990.835.103
Tiền lương			6000				773.761.963	1.515.642.812	773.761.963	1.515.642.812
Lương theo ngạch, bậc			6001				773.761.963	1.515.642.812	773.761.963	1.515.642.812
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6050				8.726.250	17.452.500	8.726.250	17.452.500

Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				8.726.250	17.452.500	8.726.250	17.452.500
Phụ cấp lương			6100				1.008.984.804	1.975.870.891	1.008.984.804	1.975.870.891
Phụ cấp chức vụ			6101				7.891.200	17.071.200	7.891.200	17.071.200
Phụ cấp khu vực			6102				100.800.000	203.400.000	100.800.000	203.400.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			6107				289.800	579.600	289.800	579.600
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				518.351.300	1.018.203.600	518.351.300	1.018.203.600
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				58.528.848	117.299.346	58.528.848	117.299.346
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				137.813.656	267.687.145	137.813.656	267.687.145
Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn			6121				162.720.000	329.040.000	162.720.000	329.040.000
Phụ cấp khác			6149				22.590.000	22.590.000	22.590.000	22.590.000
Các khoản đóng góp			6300				212.883.600	424.241.400	212.883.600	424.241.400
Bảo hiểm xã hội			6301				158.519.700	315.898.600	158.519.700	315.898.600
Bảo hiểm y tế			6302				27.183.000	54.169.000	27.183.000	54.169.000
Kinh phí công đoàn			6303				18.120.000	36.118.300	18.120.000	36.118.300
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				9.060.900	18.055.500	9.060.900	18.055.500
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				4.162.800	8.477.500	4.162.800	8.477.500
Tiền điện			6501				4.162.800	8.477.500	4.162.800	8.477.500
Vật tư văn phòng			6550				9.176.000	9.176.000	9.176.000	9.176.000
Vật tư văn phòng khác			6599				9.176.000	9.176.000	9.176.000	9.176.000
Công tác phí			6700				11.124.000	11.124.000	11.124.000	11.124.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe			6701				1.174.000	1.174.000	1.174.000	1.174.000
Phụ cấp công tác phí			6702				9.100.000	9.100.000	9.100.000	9.100.000
Tiền thuê phòng ngủ			6703				850.000	850.000	850.000	850.000

Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900				3.690.000	3.690.000	3.690.000	3.690.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				3.690.000	3.690.000	3.690.000	3.690.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				7.660.000	7.660.000	7.660.000	7.660.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				7.660.000	7.660.000	7.660.000	7.660.000
Mua sắm tài sản vô hình			7050				17.500.000	17.500.000	17.500.000	17.500.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053				17.500.000	17.500.000	17.500.000	17.500.000
Cộng:							2.916.125.417	5.336.019.603	2.916.125.417	5.336.019.603
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC
(Kèm theo báo cáo thường niên số 50/BC-THHL ngày 09 tháng 09 năm 2025)

Nơi nhận

- Website;
- Phòng VH - XH (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thanh Nghị